Số: 3235/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-08-03T19:32:11+07:00

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 10,4HA) TẠI XÃ BÌNH KHÊ, TỈNH GIA LAI CỦA CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUY NHƠN.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai).

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 10,4ha).

- Địa điểm thực hiện: tại xã Bình Khê, tỉnh Gia Lai.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn.

- Địa chỉ liên hệ: thôn Hóa Lạc, xã Cát Tiến, tỉnh Gia Lai.

- Điện thoại: 0336 912 946.

1.2. Quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 10,4ha.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 4488/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (nay là xã Bình Khê, tỉnh Gia Lai) là 632.625 m^3 ở thể địa chất; trong đó, trữ lượng khai thác là 500.674 m^3 đất địa chất. Thời hạn khai thác 05 năm với công suất khai thác hàng năm cụ thể như sau:

+ Năm thứ 1: 88.000 m^3 địa chất/năm.

+ Năm thứ 2 đến năm thứ 4: 110.000 m^3 địa chất/năm.

+ Năm thứ 5 (kết thúc): 82.674 m^3 địa chất/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất:

- Trình tự khai thác: Khu vực phê duyệt trữ lượng có diện tích 10,4ha được chia làm 05 khoảnh khai thác. Thực hiện khai thác, san gạt theo hình thức cuốn chiếu lần lượt từng khoảnh và trồng cây phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác năm 2, năm 4 và kết thúc khai thác.

- Phương pháp khai thác: Mở vỉa đầu tiên tại phần diện tích có cao độ cost

+70m phía Bắc mỏ, thực hiện khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới. Kết thúc khai thác, địa hình mỏ thoải dần từ độ cao +75m đến +45m theo hướng từ Bắc về Nam và Bắc về Đông. Sử dụng máy đào để khai thác và xe ô tô để vận chuyển đất đến công trình.

1.4. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường và phụ trợ

- Công trình bảo vệ môi trường:

+ 02 hồ lắng (01 hồ lắng phía Nam và 01 hồ lắng phía Đông mỏ)

+ Hệ thống mương thu gom nước mưa: xung quanh mỏ (phía Đông, phía Nam) có tổng chiều dài 550m; mương dọc hai bên tuyến đường vận chuyển nội bộ mỏ có tổng chiều dài 948m.

- Tuyến đường giao thông trong mỏ: Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) có chiều dài khoảng 474m.

- Mương rửa kết hợp vòi xịt rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ, kích thước: dài 4,0m x rộng 3,0m x sâu 0,5m.

- Khu vực phụ trợ phía Đông Nam (nằm trong ranh giới mỏ), diện tích khoảng 2.230m^2: bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

1.6. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh: Không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác; nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 1,44 m^3/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,…

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 14.821m^3/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận

nước mưa chảy tràn là 10,9ha).

- Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,…) phát sinh khoảng 5 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 15 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,…

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 550m (kích thước: rộng 2,0 x sâu 1,0m); mương thu gom nước mưa chảy tràn hai bên tuyến đường nội bộ mỏ có chiều dài 948m (kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được đầm chặt bằng đất để gia cố.

- Hồ lắng số 1 phía Đông mỏ (Tọa độ: X (m) = 1.546.574; Y (m) = 563.447), thể tích khoảng 624m^3 (Diện tích 208m^2, Sâu 3m). Hồ lắng số 2 phía Nam mỏ (Tọa độ: X (m) = 1.546.347; Y (m) = 563.403), thể tích khoảng 1.656m^3 (Diện tích 552m^2, Sâu 3m). Kết cấu các hồ lắng được chia làm 02 ngăn, bờ bao có kết cấu bằng đất đầm chặt kết hợp với đá dăm để gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc, phía Đông mỏ → Mương thu gom phía Đông, mương dọc tuyến đường nội bộ → Hồ lắng số 1 phía Đông → Khe thoát nước hiện trạng phía Đông.

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc, phía Nam mỏ → Mương thu gom phía

Nam, mương dọc tuyến đường nội bộ → Hồ lắng số 2 phía Nam mỏ → Khe thoát nước hiện trạng phía Nam.

Nước mưa chảy tràn sau khi qua các hồ lắng đạt Cột B, QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp với F > 2.000 m^3/ngày.

4.1.3. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất và phun xịt rửa bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Địa chất và Khoáng sản.

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện san gạt theo hình thức cuốn chiếu và trồng cây để cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác năm 2, năm 4 và kết thúc khai thác, cụ thể: Năm 2 trồng cây với diện tích 3,1ha, năm 4 trồng cây với diện tích 3,51ha và kết thúc khai thác trồng cây với diện tích còn lại 3,79ha. Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	**Khu vực khai thác**				
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	13	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác
2.	San gạt đất mặt bằng mỏ	m^3	31.200	Tạo bề mặt bằng phẳng thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu tiến hành san gạt đến đó. Hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm.
3.	San lấp mương thu gom nước mưa và hồ lắng	m^3	3.718	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 03 năm kể từ thời điểm trồng cây CTPHMT
4.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m^2	15		Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
5.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ đã khai thác	ha	10,4	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 2, 4 và kết thúc khai thác.
6.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	10,4	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng
II	**Ngoài khu vực khai thác**				
1.	Tháo dỡ, hoàn trả tuyến đường Công ty xây dựng mở rộng.			Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
1.1	*Tháo dỡ tuyến đường đất*	m^3	10.880		
1.2	*San gạt mặt bằng tuyến đường*	m^3	2.720		

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **2.438.481.000 đồng** (Hai tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 05 lần, thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 609.620.250 đồng (làm tròn: 609.621.000 đồng); thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 457.215.000 đồng/01 lần ký quỹ, thời điểm ký quỹ: thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai, 387 Trần

Hưng Đạo, phường Quy Nhơn.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2026.

Lưu ý: Trường hợp chủ cơ sở không nộp hoặc nộp chậm tiền ký quỹ theo thời hạn nêu trên thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bốc lớp đất tầng phủ đến đó.

- Thường xuyên nạo vét hồ lắng và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sa bồi, sạt lở, ảnh hưởng đến khu vực suối cạn và phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát nước mưa chảy tràn:

- Vị trí giám sát: nước thải sau 02 hồ lắng.

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần vào mùa mưa.

- Quy chuẩn áp dụng: cột B, QCVN 40:2025/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, với F > 2.000 m^3/ngày.

5.3. Giám sát sa bồi ảnh hưởng đến đất nông nghiệp phía hạ lưu dự án; tần suất giám sát: Thường xuyên vào mùa mưa.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không./.